TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do -Hạnh phúc**
Số: 62/2019/QĐST-DS	*Tp. Cao Lãnh, ngày 08 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1953;

Địa chỉ: tổ 33, khóm X, Phường Y, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bà Bùi Thuý V, sinh năm 1956;

3. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: tổ 33, khóm X, Phường Y, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp;

4. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1963;

Địa chỉ: tổ 14, khóm X, Phường Y, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp;

5. Bà Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1965;

6. Bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: tổ 1, ấp H L, xã H A, TP. C L, tỉnh Đồng Tháp;

7. Bà Bùi Thị Ánh M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 58, đường A, tổ 53, khóm M T, phường M P, TP. C L, tỉnh Đồng Tháp;

8. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 171, tổ 5, ấp T M, xã T T, TP. C L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của Bùi Thúy V, Bùi Thị B, Bùi Thị S, Bùi Thị Ánh T, Bùi Thị Ch, Bùi Thị Ánh M, Bùi Thị M: anh Trần Đình H, sinh năm 1989; địa chỉ: số 200, đường T H D, phường H T, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 8 năm 2018).

Bị đơn : Ông Bùi Văn S2, sinh năm 1962;

Địa chỉ: tổ 32, khóm X, Phường Y, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn S2: Luật sư Võ Phát T, văn phòng luật sư Đức Trí, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Kim P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: tổ 1, ấp H L, xã HA, TP. C L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982;

3. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: tổ 1, ấp HL, xã H A, TP. C L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp Bình T, xã Bình PX, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng K, chị Thanh T là anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ 1, ấp HL, xã HA, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền.

5. Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1963;

6. Chị Bùi Thị Thảo Ng, sinh năm 1987;

7. Anh Bùi Thanh Ph, sinh năm 1990;

8. Chị Bùi Thị Phương Th, sinh năm 1992;

9. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: tổ 32, khóm X, Phường Y, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bà Ph, chị Thảo Ng, anh Ph, chị Phương Th, chị Thu Hlà ông Bùi Văn S2, sinh năm 1962, địa chỉ số 110, tổ 32, khóm X, Phường Y, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/10/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn Sáng, bà Bùi Thuý V, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị Ánh T, bà Bùi Thị C, bà Bùi Thị Ánh M, bà Bùi Thị M, ông Bùi Văn S2, bà Bùi Thị Kim P, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng Kvà chị Nguyễn Thị Thanh Tthống nhất thỏa thuận chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích đất 5.184,2m^2 , thuộc các thửa số 360, thửa 361, thửa 367, thửa 368, tờ bản đồ số

08, toạ lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn Tỏ ngày 30/7/2003 (hiện nay phần đất nêu trên do ông Bùi Văn S2 quản lý và sử dụng) như sau:

- Ông Bùi Văn S, bà Bùi Thuý V, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị Ánh T, bà Bùi Thị C, bà Bùi Thị Ánh M, bà Bùi Thị M được quyền sử dụng sử dụng phần đất như sau: Phần đất thửa 361, đất LUC, diện tích 1.392,5m^2 (đo đạc thực tế 1.398,1m^2, trong phạm vi các mốc: 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 1) và một phần đất tại thửa 368, đất LUC, diện tích 1110,6m^2 (trong tổng diện tích 2.534,1m^2, đo đạc thực tế 2.376,2m^2, trong phạm vi các mốc 15 – 14 – 13 – 12 – 16 – 15), cùng tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn T ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại khóm X, Phường Y, thành phố C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Bùi Văn S2 được quyền sử dụng các phần đất như sau:

+ Phần đất thửa 367, đất LUC, diện tích 1.143,7 m^2 (đo đạc thực tế là 1.219,6m^2, trong phạm vi các mốc 12 – D – C – 9 – 10 – 11 – trụ đá – 12); tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn T ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Phần đất diện tích 865,6m^2 (trong phạm vi các mốc 7 – 8 – 9 – C – B – 18 - 19 – 7) thuộc một phần thửa 368 (tổng diện tích 2.534,1m^2, đo đạc thực tế 2.376,2m^2) tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn T ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Phần đất thửa 360, đất LUC, diện tích 113,9m^2 (đo đạc thực tế 113.9m^2, trong phạm vi các mốc 16 – 17 – A – B – 18 – 19 – 7 – 16); tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn Tỏ ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Bùi Thị Kim P được hưởng thừa kế phần đất diện tích 200m^2, trong phạm vi các mốc A – B – C – D – A, thuộc một phần thửa 368, (trong tổng diện tích 2.534,1m^2, đo đạc thực tế 2.376,2m^2) tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn T ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng K, chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền sử dụng phần đất diện tích 200m^2, trong phạm vi các mốc 16 – 17 – A – D – 12 – 16, thuộc một phần thửa thửa 368, (trong tổng diện tích 2.534,1m^2, đo đạc thực tế 2.376,2m^2) tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn T ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Bùi Văn S2 đồng ý giao lại phần đất tại thửa 361, đất LUC, diện tích 1.392,5m^2 (đo đạc thực tế 1.398,1m^2, trong phạm vi các mốc: 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 1) và một phần đất tại thửa 368, đất LUC, diện tích 1110,6m^2 (trong tổng diện tích 2.34,1m^2, đo đạc thực tế 2.376,2m^2, trong phạm vi các mốc 15 – 14 – 13 – 12 – 16 – 15), cùng tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho hộ ông Bùi Văn T ngày 30/7/2003, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thúy V, bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị Ánh T, bà Bùi Thị C, bà Bùi Thị Ánh M, bà Bùi Thị M được quyền sử dụng.

Ông Bùi Văn S2 đồng ý giao phần diện tích đất 200m^2, trong phạm vi các mốc A – B – C – D – A , thuộc một phần thửa 368, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho bà Bùi Thị Kim P được quyền sử dụng.

Ông Bùi Văn S2 đồng ý giao phần diện tích đất 200m^2, trong phạm vi các mốc 16 – 17 – A – D – 12 – 16, thuộc một phần thửa 368, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh đồng Tháp cho anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng K và chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền sử dụng.

Đối với cây trồng trên phần đất mà ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thúy V, bà Bùi Thị bà Bùi Thị Ánh T, bà Bùi Thị C, bà Bùi Thị Ánh M, bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị Kim P, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng K, chị Nguyễn Thị Thanh T được hưởng thì ông Bùi Văn S2 tự nguyện đốn bỏ, di dời, không yêu cầu trả giá trị.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2018 của Tòa án và sơ đồ đo đạc ngày 25/10/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thúy V, bà Bùi Thị B, bà Bùi Thị Ánh T, bà Bùi Thị C, bà Bùi Thị Ánh M, bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị Kim P, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng K, chị Nguyễn Thị Thanh T và ông Bùi Văn S2 được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn S được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002422 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Bùi Thúy V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thúy V được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002419 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.625 đồng (sáu trăm

lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002415, ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị S được nhận lại số tiền là 1.396.375đồng.

Bà Bùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.625 đồng (sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002416, ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị B được nhận lại số tiền là 1.396.375đồng.

Bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.625 đồng (sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002421, ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị C được nhận lại số tiền là 1.396.375đồng.

Bà Bùi Thị Ánh Mphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.625 đồng (sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002418, ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị Ánh M được nhận lại số tiền là 1.396.375đồng.

Bà Bùi Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.625 đồng (sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002420, ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị Ánh T được nhận lại số tiền là 1.396.375đồng.

Bà Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 603.625 đồng (sáu trăm lẻ ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0002417, ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị M được nhận lại số tiền là 1.396.375đồng.

Ông Bùi Văn S2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.233.000đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bà Bùi Thị Kim P phải chịu 385.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 826.000đồng, theo biên lai thu số 0005203 ngày 16/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà Bùi Thị Kim P được nhận lại số tiền chênh lệch là 441.000đồng.

Anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng K, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 385.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 907.000đồng, theo biên lai thu số 0008787 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Hoàng K, chị Nguyễn Thị Thanh Tđược nhận lại số tiền

chênh lệch là 522.000đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.200.000đồng, các đồng nguyên đơn tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

Về chi phí đo đạc phần đất tranh chấp là 16.816.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng). Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận (đã thỏa thuận và giải quyết xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Toà án ND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Mỹ Như